

**TÒA PHÚC THẨM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO
TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 79/2025/HC-PT

Ngày: 26 - 8 - 2025

V/v: Khiếu kiện quyết định hành chính và hành
vi hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA PHÚC THẨM TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO
TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hà Huy Cầu

Các Thẩm phán:

Ông Nguyễn Văn Tửu

Bà Huỳnh Thanh Duyên

- Thư ký phiên tòa: Bà Mai Thị Thu Trang - Thư ký Tòa phúc thẩm Tòa
án nhân dân tối cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

**- Đại diện Viện công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Thành phố Hồ
Chí Minh tham gia phiên tòa:** Ông Hà Văn Hiến - Kiểm sát viên cao cấp.

Trong các ngày 21 và 26 tháng 8 năm 2025 tại trụ sở Tòa phúc thẩm Tòa
án nhân dân tối cao tại Thành phố Hồ Chí Minh mở phiên tòa xét xử phúc thẩm
công khai vụ án hành chính thụ lý số: 424/2025/TLPT-HC ngày 02 tháng 6 năm
2025 về việc “Khiếu kiện quyết định hành chính và hành vi hành chính trong
lĩnh vực quản lý đất đai”.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số: 509/2024/HC-ST ngày 04 tháng 10
năm 2024 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo, kháng
nghị.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 526/2025/QĐ-PT
ngày 08 tháng 08 năm 2025 giữa các đương sự:

1. Người khởi kiện: Ông Ngô Hoàng T;

Địa chỉ: A B, Phường B, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là A B,
phường B, Thành phố Hồ Chí Minh).

2. Người bị kiện: Ủy ban nhân dân quận B (cũ).

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của người bị kiện: UBND
phường B, Thành phố Hồ Chí Minh

Địa chỉ: số 01 khu hành chính Thanh Đa, phường Bình Quới, Thành phố

Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Đặng Minh N – Chủ tịch UBND phường B, Thành phố Hồ Chí Minh. (xin xét xử vắng mặt)

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện:

- Ông Nguyễn Hoài A – Phó phòng Kinh tế, đô thị phường B, Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt)

- Ông Nguyễn Hà Vĩnh T1 – Chuyên viên phòng Kinh tế, đô thị phường B, Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt)

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Trần Thị T2.

Địa chỉ: A B, Phường B, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là A B, phường B, Thành phố Hồ Chí Minh).

- *Người kháng cáo, kháng nghị:* Ông Ngô Hoàng T, Ủy ban nhân dân Quận B (cũ); Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh kháng nghị.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Căn cứ theo đơn khởi kiện ngày 18 tháng 12 năm 2023, đơn khởi kiện sửa đổi, bổ sung ngày 04 tháng 3 năm 2024, bản tự khai và quá trình tố tụng, người khởi kiện ông Ngô Hoàng T trình bày:

Căn cứ Bản án phúc thẩm số 412/2021/HC-PT ngày 17/11/2021; Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh đã tuyên xử:

“1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Ngô Hoàng T:

- *Tuyên hành vi hành chính của Ủy ban nhân dân quận B không tính lãi phát sinh trên số tiền bồi thường bổ sung theo Quyết Định tại Bản án số 1343/2016/HC-PT ngày 19/12/2016 cho ông Ngô Hoàng T là hành vi hành chính trái pháp luật.*

- *Hủy văn bản số 3000/UBND-BTGPM ngày 08/08/2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận B.*

- *Buộc Ủy ban nhân dân quận B phải tính lãi phát sinh trên số tiền bồi thường bổ sung tại hai Quyết định số 9318/QĐ-UBND ngày 23/11/2017 và Quyết định số 2071/QĐ-UBND ngày 30/3/2018 là 7.810.020.844 đồng cho gia đình ông Ngô Hoàng T theo đúng quy định pháp luật.”*

Thực hiện Bản án phúc thẩm 412/2021/HC-PT ngày 17/11/2021, Ủy ban nhân dân quận B đã ra Quyết định số 3490/QĐ-UBND ngày 18/05/2023 về bổ sung khoản 1, Điều 1 của Quyết định số 2074/QĐ-UBND ngày 12/05/2012 với giá trị bồi thường hỗ trợ lãi phát sinh là 7.943.493.974 đồng.

Thời gian để tính lãi phát sinh do chậm chi trả tính từ ngày có phương án bồi thường của dự án số 118/PABT-UBND ngày 01/04/2011 đến ngày 23/11/2017 (ngày ra Quyết định bổ sung 9318/QĐ-UBND ngày 23/11/2017), và đến ngày 30/03/2018 (ngày ra Quyết định bổ sung số 2071/QĐ-UBND ngày

30/3/2018 để thi hành Bản án phúc thẩm 1343/2016/HC-PT ngày 19/12/2016).

Ngày 29/05/2023, căn cứ vào Biên bản làm việc ngày 18/04/2023, ngày 19/05/2023, ông Ngô Hoàng T đã nhận 5.941722.100 đồng. Số tiền còn lại 2.001.771.874 đồng sẽ nhận vào tháng 7/2023.

Ngày 14/12/2023, Ủy ban nhân dân quận B đã ra Quyết định 9597/QĐ-UBND ngày 14/12/2023 về sửa đổi điều 1 – Quyết định số 3490/QĐ-UBND ngày 18/05/2023 của Ủy ban nhân dân quận B. Số tiền hỗ trợ bổ sung lãi phát sinh là 5.955.475.340 đồng và số tiền còn lại tôi được nhận là 13.753.240 đồng; Với thời gian tính lãi phát sinh tính từ ngày có Quyết định bồi thường 2774/QĐ-UBND ngày 02/05/2012.

Việc Ủy ban nhân dân quận B ra Quyết định số 3490/QĐ-UBND ngày 18/05/2023 và Quyết định 9597/QĐ-UBND ngày 14/12/2023 với thời gian tính lãi nêu trên là không đúng theo quy định của pháp luật đã xâm phạm quyền và lợi ích hợp pháp của ông Ngô Hoàng T.

Cơ sở của các yêu cầu khởi kiện:

* Cơ sở của việc yêu cầu xem xét lại thời gian bắt đầu tính lãi đến khi kết thúc việc tính lãi để thi hành Bản án phúc thẩm 1343/2016/HC-PT ngày 19/12/2016.

Căn cứ khoản 2, Điều 31 Nghị định 69/2009/NĐ-CP ngày 13/8/2009:

Điều 31. Quyết định thu hồi đất, phê duyệt và thực hiện phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư, giao đất, cho thuê đất

2. Trong thời hạn không quá 05 ngày làm việc, kể từ ngày ra quyết định thu hồi đất, giao đất hoặc cho thuê đất, cơ quan tài nguyên và môi trường trình Ủy ban nhân dân cùng cấp phê duyệt và công bố công khai phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư theo quy định sau:

a) Sở Tài nguyên và Môi trường trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư đối với trường hợp thu hồi đất liên quan từ hai quận, huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh trở lên;

b) Phòng Tài nguyên và Môi trường trình Ủy ban nhân dân cấp huyện phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư đối với trường hợp không thuộc quy định tại điểm a khoản này;

c) Trong thời hạn không quá ba (03) ngày, kể từ ngày nhận được phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư đã được phê duyệt, Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp xã phổ biến và niêm yết công khai quyết định phê duyệt phương án bồi thường tại trụ sở Ủy ban nhân dân cấp xã và địa điểm sinh hoạt khu dân cư nơi có đất bị thu hồi; gửi quyết định bồi thường, hỗ trợ và tái định cư cho người có đất bị thu hồi, trong đó nêu rõ về mức bồi thường, hỗ trợ, về bố trí nhà hoặc đất TĐC (nếu có), thời gian, địa điểm chi trả tiền bồi thường, ...;

Căn cứ theo thời gian quy định vừa nêu thì: Từ ngày ra Quyết định thu hồi

đất (Quyết định số 1922/QĐ-UBND ngày 15/02/2011) của ông Ngô Hoàng T ngày 15/02/2011 đến ngày ra Quyết định công bố giá trị bồi thường (Quyết định số 2774/QĐ-UBND ngày 02/05/2012) và gửi cho ông Ngô Hoàng T là 8 ngày làm việc. Nhưng từ ngày ra Quyết định thu hồi đất ngày 15/02/2011 đến ngày ra Quyết định công bố giá trị bồi thường (Quyết định số 2774/QĐ-UBND ngày 02/05/2012) là ngày 02/05/2012. Như vậy, Quyết định 2774/QĐ-UBND ngày 02/05/2012 của Ủy ban nhân dân quận B đã ban hành sai thời hạn và chậm trễ so với quy định của Luật là hơn 1 năm 2 tháng.

Căn cứ khoản 3 Điều 69 Luật Đất đai năm 2013:

Khoản 3. Việc quyết định thu hồi đất, phê duyệt và tổ chức thực hiện phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư được quy định như sau:

a) Ủy ban nhân dân cấp có thẩm quyền quy định tại Điều 66 của Luật này quyết định thu hồi đất, quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư trong cùng một ngày;

b) Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp xã phổ biến và niêm yết công khai quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư tại trụ sở Ủy ban nhân dân cấp xã và địa điểm sinh hoạt chung của khu dân cư nơi có đất thu hồi; gửi quyết định bồi thường, hỗ trợ, tái định cư đến từng người có đất thu hồi, trong đó ghi rõ về mức bồi thường, hỗ trợ, bố trí nhà hoặc đất tái định cư (nếu có), thời gian, địa điểm chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ; ... ;

So sánh 2 quy định pháp luật vừa nêu: khoản 2, Điều 31 Nghị định 69/2009/NĐ-CP và điểm a, b khoản 3, Điều 69 Luật đất đai 2013 thì thấy hai quy định là như nhau, chỉ khác nhau là từ khi ra quyết định thu hồi đất đến khi gửi quyết định bồi thường cho người dân một bên là 8 ngày làm việc, một bên là cùng một ngày.

Căn cứ khoản 1, 2 Điều 93 Luật đất đai 2013:

Điều 93. Chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ, tái định cư

1. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày quyết định thu hồi đất của cơ quan nhà nước có thẩm quyền có hiệu lực thì hành, cơ quan, tổ chức có trách nhiệm bồi thường phải chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ cho người có đất thu hồi.

2. Trường hợp cơ quan, tổ chức có trách nhiệm bồi thường chậm chi trả thì khi thanh toán tiền bồi thường, hỗ trợ cho người có đất thu hồi, ngoài tiền bồi thường, hỗ trợ theo phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư được cấp có thẩm quyền phê duyệt thì người có đất thu hồi còn được thanh toán thêm một khoản tiền bằng mức tiền chậm nộp theo quy định của Luật quản lý thuế tính trên số tiền chậm trả và thời gian chậm trả.

Căn cứ những điều vừa nêu thì thời gian bắt đầu tính lãi phát sinh phải được tính từ ngày có Quyết định thu hồi đất số 1922/QĐ-UBND là ngày 15/02/2011 hoặc từ ngày phương án bồi thường của dự án số 118/PABT-UBND ngày 01/04/2011 được phê duyệt của Ủy ban nhân dân quận B tại Quyết định

5516/QĐ-UBND là ngày 19/04/2011.

Căn cứ theo Công văn số 119/HĐTĐBT ngày 18/03/2019 và Công văn 554/HĐTĐBT ngày 26/09/2018 của Hội đồng thẩm định bồi thường (HĐTĐBT) thành phố về giải quyết các vướng mắc liên quan đến hỗ trợ lãi suất ngân hàng và tiền chậm chi trả; Công văn 2163/UBND-ĐTMT ngày 24/04/2015; Công văn 2618/UBND-ĐTMT ngày 25/04/2008; Thông báo số 293/TB-VP ngày 03/04/2008 của Ủy ban nhân dân Thành phố H.

Căn cứ theo các công văn vừa nêu và đối chiếu với Luật đất đai 2013; Điều 69 – khoản 3 – mục a, b; Điều 93 – khoản 1, 2 và Nghị định 69/2009/NĐ-CP ngày 13/8/2009 – Điều 31– khoản 2 (đã nêu ở trên) thì thời gian bắt đầu tính lãi phát sinh do chậm chi trả phải được tính từ ngày phương án bồi thường của dự án (Phương án bồi thường số 118/PABT-UBND ngày 01/04/2011) được phê duyệt là ngày 19/04/2011 (Quyết định số 5516/QĐ-UBND ngày 19/04/2011 của Ủy ban nhân dân quận B) đến ngày Hội đồng bồi thường của dự án ký quyết định công bố giá trị bồi thường, hỗ trợ (Quyết định số 2774/QĐ-UBND ngày 02/05/2012) là ngày 02/05/2012. Đồng thời phải tính hỗ trợ lãi suất từ ngày 02/05/2012 đến ngày thực hiện chi trả bồi thường về đất là ngày 19/04/2018 (theo Quyết định số 9318/QĐ-UBND ngày 23/11/2017 và Quyết định số 2071/QĐ-UBND ngày 30/03/2018 để thi hành Bản án phúc thẩm 1343/2016/HC-PT ngày 19/04/2016).

Cụ thể: Tại Công văn 554/HĐTĐBT ngày 26/09/2018 tại mục 4.1 về tính chi trả tiền ngân hàng lãi suất tại trang 3, từ dòng thứ 9 đến dòng thứ 14 có câu:

“...HĐTĐBT thành phố nhận thấy nhận định nêu trên của Ủy ban nhân dân huyện B là chưa phù hợp, các trường hợp này là do Ủy ban nhân dân huyện B không (hoặc chậm) gửi tiền, khác với các trường hợp được hỗ trợ lãi suất do chậm chi trả (do chậm ban hành Quyết định bồi thường, hỗ trợ cho hộ dân hoặc do dự án không có vốn để chi trả bồi thường, hỗ trợ).”

Tại mục 4.3, điểm a – trang 6, từ dòng 13 đến dòng 22:

Cách hiểu 1: theo điểm a, khoản 4 Công văn 2163/UBND-ĐTMT ngày 21/04/2015 của Ủy ban nhân dân thành phố, tính hỗ trợ lãi suất từ ngày phương án bồi thường, hỗ trợ được duyệt đến ngày ban hành Quyết định bồi thường hỗ trợ.

Cách hiểu 2: theo điểm c, khoản 4 Công văn số 2163/UBND-ĐTMT ngày 21/04/2015 của Ủy ban nhân dân thành phố, tính hỗ trợ lãi suất từ ngày phương án bồi thường, hỗ trợ được duyệt đến ngày 31/12/2015; từ ngày 01/01/2016 đến ngày thực hiện chi trả bồi thường, hoặc gửi tiền bồi thường hỗ trợ vào kho bạc Nhà Nước hoặc ngân hàng được tính tiền chậm chi trả theo quy định của Luật Quản Lý Thuế.

Cũng tại điểm c mục 4.3:

Ý kiến của HĐTĐBT thành phố:

- Vướng mắc 1: cơ bản thống nhất với cách hiểu 2 của Ủy ban nhân dân

huyện B, tuy nhiên từ ngày 01/01/2016 trở về sau thì tính theo Luật Quản Lý Thuế ”.

Căn cứ theo những điều vừa trích dẫn tại Công văn số 554/HĐTĐBT ngày 26/9/2018 thì được hỗ trợ lãi suất do chậm chi trả (do chậm ban hành Quyết định bồi thường số 2774/QĐ-UBND ngày 02/5/2011) và được tính từ ngày phương án bồi thường, hỗ trợ (Phương án số 118/PABT-UBND ngày 01/4/2011) được phê duyệt (ngày 19/4/2011) đến ngày chi trả bồi thường (ngày 19/4/2018).

Tại Công văn số 2163/UBND-ĐTMT ngày 21/4/2015 về giải quyết chính sách đối với các trường hợp chậm chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ, tái định cư có phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư được phê duyệt trước ngày 01/7/2014 tại điểm a, b, c mục 4:

4. Chính sách hỗ trợ do chậm chi trả:

a) Đối với dự án đã được áp dụng tính hỗ trợ thêm lãi suất ngân hàng theo công văn số 2618/UBND-ĐTMT ngày 25/04/2008 của Ủy ban nhân dân thành phố thì tiếp tục thực hiện các văn bản.

b) Đối với các tổ chức (trừ các tổ chức thuộc Nhà Nước), hộ gia đình, cá nhân bị ảnh hưởng trong các dự án được phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ tái định cư trước ngày 01/7/2014 (trừ các dự án thuộc điểm a trên) mà sau ngày 01/7/2014 mới chi trả tiền bồi thường thì được tính hỗ trợ thêm lãi suất tiền gửi tiết kiệm ngân hàng trên giá trị bồi thường hỗ trợ như sau:

- Thời gian để tính hỗ trợ lãi suất: tính từ ngày 01/01/2015 đến ngày ký Quyết định công bố giá trị bồi thường, hỗ trợ.

- Mức lãi suất: áp dụng theo điểm b khoản 1 Công văn số 2618/UBND-ĐTMT ngày 25/4/2008 của Ủy ban nhân dân thành phố.

c) Từ ngày 31/12/2015 trở về sau, nếu Hội đồng bồi thường của dự án chưa thực hiện chi trả bồi thường hỗ trợ hoặc gửi tiền bồi thường hỗ trợ vào kho bạc Nhà Nước hoặc ngân hàng thì chỉ tính hỗ trợ lãi suất đến ngày 31/12/2015; từ ngày 01/01/2016 trở về sau, áp dụng việc thanh toán thêm một khoản tiền bằng mức chậm nộp theo quy định của Luật Quản Lý Thuế tính trên số tiền chậm chi trả (tính trên tổng số tiền bồi thường hỗ trợ cộng với lãi suất đến ngày 31/12/2015) cho người có đất bị thu hồi.

Tại điểm a mục 1 Công văn số 2618/UBND-ĐTMT ngày 25/04/2008 của Ủy ban nhân dân thành phố:

a) Thời gian để tính hỗ trợ lãi suất: tính từ ngày ký Quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư của cơ quan Nhà Nước có thẩm quyền đến ngày Hội đồng bồi thường hỗ trợ và tái định cư của dự án ký Quyết định công bố giá trị bồi thường, hỗ trợ;

Thông báo số 293/TB-VP ngày 03/04/2008 của UBND thành phố, mục 1: về xử lý giá đất đối với dự án đang thực hiện bồi thường hỗ trợ và tái định cư dở

đang trên địa bàn thành phố:

“...đối với các tổ chức, hộ dân chưa nhận tiền bồi thường, hỗ trợ (không áp dụng đối với trường hợp tiền bồi thường, hỗ trợ của tổ chức, hộ dân đã được gửi vào ngân hàng) thì được tính hỗ trợ thêm tiền lãi suất ngân hàng kể từ ngày ký quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư của dự án đến ngày Hội đồng bồi thường của dự án ký quyết định công bố giá trị bồi thường, hỗ trợ cho tổ chức, hộ dân có nhà đất bị thu hồi.”

Trước đây, từ những năm 2007, 2008 do chưa có căn cứ pháp luật cụ thể nên việc tính lãi phát sinh do chậm chi trả đối với các dự án trước Luật Đất đai năm 2013 có hiệu lực thi hành (ngày 01/7/2014) là chưa có; nên quy định áp dụng cho việc chậm chi trả do các nguyên nhân chủ quan và khách quan thường được căn cứ vào các công văn chấp thuận của Ủy ban nhân dân Thành phố H như Thông báo số 486/TB-VP ngày 10/7/2007 của Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố, Công văn số 6487/UBND-ĐTMT ngày 28/9/2007 của Ủy ban nhân dân Thành phố H về chấp thuận đề nghị của Sở T3 tại Công văn số 9025/STC-BVG ngày 04/09/2007, Thông báo số 293/TB-VP ngày 03/04/2008 của Ủy ban nhân dân Thành phố, Công văn số 2618/UBND-ĐTMT ngày 25/4/2008 của Ủy ban nhân dân Thành phố.

Hiện nay việc chậm chi trả tiền bồi thường được tính căn cứ theo quy định của pháp luật hiện hành của khoản 2 Điều 93 Luật Đất đai năm 2013.

Từ khi Luật Đất Đai 2013 có hiệu lực pháp luật, Ủy ban nhân dân Thành phố đã ban hành nhiều công văn như Công văn số 2163/UBND-ĐTMT ngày 21/4/2015, Công văn số 119/HĐTĐBT ngày 18/3/2019 của HĐTĐBT Thành phố, Công văn số 1628/VP-ĐT ngày 05/3/2019 của Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố về thực hiện Công văn số 554/HĐTĐBT ngày 26/09/2018, tất cả đều có mục đích quy định cụ thể phạm vi, đối tượng, chính sách về hỗ trợ lãi suất ngân hàng do chậm chi trả cho người có đất bị thu hồi. Việc ban hành những công văn vừa nêu (gần đây nhất là Công văn số 554/HĐTĐBT ngày 26/9/2018) là để hướng dẫn các quận huyện thực hiện việc hỗ trợ lãi suất ngân hàng cho đồng bộ, thống nhất giữa các văn bản trước đây và quy định của Luật Đất đai 2013 do trước đây đã thực hiện không đúng các quy định của pháp luật về bồi thường, hỗ trợ khi Nhà N1 thu hồi đất. Cụ thể là đã không đúng khi chậm trễ ban hành quyết định công bố giá trị bồi thường, hỗ trợ khi đã ra quyết định thu hồi đất và khi phương án bồi thường, hỗ trợ của dự án đã được phê duyệt; không đúng với quy định tại khoản 2 Điều 31 Nghị định 69/2009/NĐ-CP ngày 13/8/2009 và khoản 3 Điều 69 Mục a, b Luật đất đai 2013.

Vừa qua, Ủy ban nhân dân quận B cũng đã trả tiền lãi phát sinh cho các trường hợp chậm chi trả tiền bồi thường. Cụ thể như trường hợp của ông Q tại Quyết định số 4557/QĐ-UBND ngày 03/07/2020 có phương án bồi thường bổ sung số 148/PABT-UBND-HĐBT ngày 03/07/2020, ông Q được bồi thường bổ sung do chậm chi trả trên số tiền bồi thường, hỗ trợ về đất tính từ ngày thu hồi đất đến ngày chi trả chậm theo quy định tại khoản 1, 2 Điều 93 Luật đất đai

2013.

Nhưng Ủy ban nhân dân quận B khi ra các quyết định bổ sung để thi hành Bản án số 1343/HC-PT ngày 19/12/2016 đã không tính lãi cho ông Ngô Hoàng T với lý do không có quy định tính lãi do chậm chi trả tiền bồi thường. Và khi tính lãi phát sinh do chậm chi trả đã tính không đúng thời điểm bắt đầu và thời điểm kết thúc của việc tính lãi do đã ban hành quyết định công bố giá trị bồi thường (Quyết định số 2774/QĐ-UBND ngày 02/5/2011) sai thời điểm quy định nên đã tính sai thời điểm chậm chi trả tiền bồi thường và đã ban hành quyết định bồi thường bổ sung (Quyết định số 3490/QĐ-UBND ngày 18/5/2023 – Quyết định số 9597/QĐ-UBND ngày 14/12/2023) trái pháp luật.

Vì vậy, căn cứ vào các quy định pháp luật tại khoản 2 Điều 31 Nghị định 69/2009/NĐ-CP ngày 13/8/2009; căn cứ vào khoản 3 Điều 69 Mục a, b và khoản 1, 2 Điều 93 Luật đất đai và căn cứ vào các công văn như: Công văn số 119/HĐTĐBT ngày 18/3/2019, Công văn số 554/HĐTĐBT ngày 26/9/2018 của Hội đồng thẩm định bồi thường thành phố về giải quyết các vướng mắc liên quan đến hỗ trợ lãi suất ngân hàng và tiền chậm chi trả; Công văn số 2163/UBND-ĐTMT ngày 24/4/2015; Công văn số 2618/UBND-ĐTMT ngày 25/4/2008; Thông báo số 293/TB-VP ngày 03/4/2008, Thông báo số 486/TB-VP ngày 10/7/2007, Công văn số 6487/UBND-ĐTMT ngày 28/9/2007 của Ủy ban nhân dân Thành phố H về chấp thuận đề nghị của Sở T3 tại Công văn số 9025/STC-BVG ngày 04/9/2007, thì :

Ủy ban nhân dân quận B khi ra Quyết định số 3490/QĐ-UBND ngày 18/5/2023 và Quyết định số 9597/QĐ-UBND ngày 14/12/2023 đã tính lãi phát sinh từ ngày ra Quyết định công bố giá trị bồi thường số 2774/QĐ-UBND ngày 02/5/2012 đến ngày 23/11/2017 (ngày ra Quyết định bổ sung số 9318/QĐ-UBND ngày 23/11/2017) và ngày 30/3/2018 (ngày ra Quyết định bổ sung số 2071/QĐ-UBND ngày 30/3/2018) là không đúng quy định pháp luật.

Ủy ban nhân dân quận B phải tính lại lãi phát sinh do chậm chi trả từ ngày phương án bồi thường của dự án số 118/PABT-UBND ngày 01/4/2011 được phê duyệt ngày 19/4/2011 (Quyết định số 5566/QĐ-UBND ngày 19/4/2011) cho đến ngày thực hiện chi trả xong của hai quyết định bồi thường bổ sung là Quyết định số 9318/QĐ-UBND ngày 23/11/2017 và Quyết định số 2071/QĐ-UBND ngày 30/3/2018 là ngày 19/4/2018. Thời gian tính lãi phát sinh do chậm chi trả phải được tính từ ngày 19/4/2011 đến ngày 19/4/2018 (trên tổng số tiền bồi thường bổ sung là 7.810.020.844 đồng tại hai Quyết định số 9318/QĐ-UBND ngày 23/11/2017 và Quyết định số 2071/QĐ-UBND ngày 30/3/2018) với số tiền lãi phải trả là 7.974.859.576 đồng; Và phải tính lãi cho việc chậm ra quyết định bồi thường số 2774/QĐ-UBND ngày 02/5/2012 từ ngày 19/4/2011 đến ngày 02/5/2012 trên số tiền 1.373.647.120 đồng theo lãi suất ngân hàng số tiền là 186.266.549 đồng.

* Cơ sở để yêu cầu Ủy ban nhân dân quận B phải trả lãi cho việc chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền lãi phát sinh từ ngày 19/4/2018 đến ngày 18/5/2023

và ngày 14/12/2023 (ngày ra Quyết định bổ sung số 3490/QĐ-UBND ngày 18/5/2023 và Quyết định bổ sung số 9597/QĐ-UBND ngày 14/12/2023 để thi hành Bản án 412/HC-PT ngày 17/11/2021) tính trên số tiền 7.974.859.576 đồng.

Căn cứ khoản 1 Điều 357 Bộ luật Dân sự 2015;

Căn cứ khoản 3 Điều 23 Luật Trách nhiệm bồi thường của Nhà nước 2017;

Căn cứ khoản 2, 5 Điều 4 Nghị Định 68/2018/NĐ-CP ngày 15/05/2018 về quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Trách Nhiệm Bồi Thường Của Nhà Nước;

Căn cứ Điều 29 Nghị định 71/2016/NĐ-CP ngày 01/07/2016;

Căn cứ vào những gì đã nêu ở phần I và những điều luật nêu ở phần II thì tôi đã có thiệt hại do không được sử dụng, khai thác tài sản bị cầm giữ là số tiền lãi phải được nhận vào ngày 19/04/2018; và Ủy ban nhân dân quận B là bên phải trả tiền lãi phát sinh do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền lãi.

Thời gian phải chi trả lãi phát sinh do bồi thường về đất không đúng pháp luật là ngày 19/4/2018 (ngày hoàn thành thực hiện chi trả tiền bồi thường về đất theo Quyết định bổ sung số 9318/QĐ-UBND ngày 23/11/2017 và Quyết định số 2071/QĐ-UBND ngày 30/3/2018 để thi hành Bản án số 1343/2016/HC-PT ngày 19/12/2016) nhưng Ủy ban nhân dân quận B đã không chi trả mà đã ra Văn bản số 3000/UBND-BTGPMB ngày 08/8/2019, nội dung: “... đề nghị xem xét giải quyết tính lãi phát sinh trên số tiền bồi thường bổ sung theo Bản án phúc thẩm 1343/2016/HC-PT ngày 19/12/2016 của Tòa án nhân dân thành phố là không có cơ sở giải quyết.” buộc ông Ngô Hoàng T phải khởi kiện.

Bản án phúc thẩm số 412/2021/HC-PT ngày 17/11/2021 đã tuyên hủy Văn bản số 3000/UBND-BTGPMB ngày 08/8/2019, buộc Ủy ban nhân dân quận B phải tính lãi phát sinh trên số tiền bồi thường bổ sung tại hai Quyết định số 9318/QĐ-UBND ngày 23/11/2017 và Quyết định số 2071/QĐ-UBND ngày 30/3/2018.

Kể từ khi có Bản án phúc thẩm số 412/2021/HC-PT, ông Ngô Hoàng T đã nhiều lần yêu cầu Ủy ban nhân dân quận B phải thi hành án và yêu cầu phải trả lãi cho việc chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền lãi phát sinh do đã không trả tiền lãi khi ra Quyết định số 9318/QĐ-UBND ngày 23/11/2017 và Quyết định số 2071/QĐ-UBND ngày 30/03/2018 để thi hành án.

Ủy ban nhân dân quận B đã ra Quyết định số 3490/QĐ-UBND ngày 18/5/2023 và Quyết định số 9597/QĐ-UBND ngày 14/12/2023 với thời gian tính lãi từ ngày ra Quyết định công bố giá trị bồi thường lần đầu (Quyết định số 2774/QĐ-UBND ngày 02/5/2011) cho ông Ngô Hoàng T là ngày 02/5/2011 đến ngày 23/11/2017 (ngày ra Quyết định bổ sung số 9318/QĐ-UBND ngày 23/11/2017) và ngày 30/3/2018 (ngày ra Quyết định bổ sung số 2071/QĐ-UBND ngày 30/3/2018) nhưng không tính đến ngày hoàn thành chi trả là ngày 19/4/2018; Đồng thời không tính lãi cho việc chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền

theo quy định của Điều 357 Bộ Luật Dân sự 2015 là phải tính lãi từ ngày 19/4/2018 đến ngày ra Quyết định số 3490/QĐ-UBND ngày 18/5/2023 và Quyết định số 9597/QĐ-UBND ngày 14/12/2023 là ngày 18/5/2023 và ngày 14/12/2023.

Mặc dù các quy định pháp luật đã có quy định và Công văn số 554/HĐTĐBT ngày 26/09/2018 của HĐTĐBT Thành phố tại mục 4.3 đã thống nhất hỗ trợ lãi suất đến ngày thực hiện chi trả bồi thường là ngày 19/04/2018. Nhưng Ủy ban nhân dân quận B đã không chấp nhận tính lãi phát sinh do chậm thực hiện nghĩa vụ chi trả tiền bồi thường về đất theo Bản án phúc thẩm 1343/2016/HC-PT ngày 19/12/2016, không chấp nhận trả lãi vào thời điểm thi hành xong hai Quyết định bồi thường bổ sung số 9318/QĐ-UBND ngày 23/11/2017 và Quyết định số 2071/QĐ-UBND ngày 30/3/2018 (ngày 19/4/2018) nên đó là hành vi hành chính trái pháp luật và đã buộc ông Ngô Hoàng T phải khởi kiện.

Do Bản án phúc thẩm số 412/2021/HC-PT ngày 17/11/2021 đã tuyên việc không tính lãi phát sinh là hành vi hành chính trái pháp luật, và do Ủy ban nhân dân quận B đã giữ số tiền lãi do chậm bồi thường từ ngày 19/4/2018 cho đến nay là ngày 18/5/2023 và ngày 14/12/2023 (thời điểm ban hành Quyết định số 3490/QĐ-UBND ngày 18/5/2023 và Quyết định số 9597/QĐ-UBND ngày 14/12/2023) là đã vi phạm nghĩa vụ trả tiền theo quy định của khoản 1 Điều 357 Bộ luật Dân sự 2015.

Do Ủy ban nhân dân quận B không chấp nhận tính lãi phát sinh do chậm thực hiện nghĩa vụ chi trả tiền bồi thường về đất theo Bản án phúc thẩm số 1343/2016/HC-PT ngày 19/12/2016 mà buộc ông Ngô Hoàng T phải khởi kiện mới chi trả; và do Bản án phúc thẩm số 412/2021/HC-PT ngày 17/11/2021 đã tuyên việc không tính lãi phát sinh là hành vi hành chính trái pháp luật. Nên Ủy ban nhân dân quận B không chấp nhận tính lãi cho việc chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền lãi phát sinh (do bồi thường về đất trái pháp luật) là không đúng quy định của pháp luật, buộc ông Ngô Hoàng T phải khởi kiện.

Căn cứ vào quy định đã nêu tại phần II, mục 4.3 Công văn số 554/HĐTĐBT ngày 26/09/2018 của HĐTĐBT Thành phố: Đề nghị Tòa án tuyên buộc Ủy ban nhân dân quận B phải tính lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền lãi phát sinh từ ngày 19/4/2018 đến ngày ra Quyết định số 3490/QĐ-UBND ngày 18/5/2023 và Quyết định số 9597/QĐ-UBND ngày 14/12/2023 (để thi hành Bản án số 412/HC-PT ngày 17/11/2021) là ngày 18/5/2023 và ngày 14/12/2023, tính trên số tiền lãi phát sinh từ ngày 19/4/2011 đến ngày 19/4/2018 là 7.974.859.576 đồng. Số tiền lãi phải trả là 4.436.339.853 đồng.

Như vậy: Tổng số tiền ông Ngô Hoàng T phải được nhận khi được thi hành Bản án phúc thẩm số 412/HC-PT ngày 17/11/2021 là 12.411.199.429 đồng, số tiền đã thực nhận là 5.955.475.340 đồng.

Số tiền còn lại phải được nhận là $12.411.199.429 - 5.955.475.340 = 6.469.477.329$ đồng.

* Cơ sở để yêu cầu Ủy ban nhân dân quận B phải tính lãi gồm: khoản 1 Điều 357 Bộ luật Dân sự 2015; khoản 1 Điều 13; điểm b khoản 2 Điều 5; điểm c khoản 3 Điều 6 Nghị Quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao về quyết định lãi, lãi suất trong bản án, quyết định của Tòa án, theo các quy định này thì các Quyết định về bồi thường, hỗ trợ khi Nhà N1 thu hồi đất không phải là hợp đồng vay tài sản nhưng đó là hợp đồng phải trả tiền của Nhà N1 đối với người dân khi thu hồi đất; số tiền phải trả này là tài sản của người dân và được điều chỉnh theo quy định tại Điều 357 khoản 1 Bộ luật dân sự 2015, được điều chỉnh theo Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 và các quy định pháp luật liên quan.

Do Ủy ban nhân dân quận B không chấp nhận trả lãi cho việc chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền vào thời điểm ban hành hai Quyết định bổ sung số 3490/QĐ-UBND ngày 18/5/2023 và Quyết định số 9597/QĐ-UBND ngày 14/12/2023 (để thi hành Bản án số 412/HC-PT ngày 17/11/2021) mà buộc ông Ngô Hoàng T phải khởi kiện ngày 18/12/2023; nên căn cứ những quy định pháp luật vừa nêu, để tránh trường hợp khởi kiện tiếp theo, tránh chậm trễ trong việc thực hiện nghĩa vụ trả tiền và không công bằng cho người dân, ông Ngô Hoàng T đề nghị Tòa án tuyên buộc Ủy ban nhân dân quận B phải trả lãi cho việc chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền từ ngày 18/5/2023 và ngày 14/12/2023 (thời điểm ra Quyết định số 3490/QĐ-UBND ngày 18/5/2023 và Quyết định số 9597/QĐ-UBND ngày 14/12/2023) cho đến thời điểm thi hành xong Bản án phúc thẩm của đơn khởi kiện ngày 18/12/2023, tính trên số tiền phát sinh do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền từ ngày 19/4/2018 đến ngày 18/5/2023 là 4.436.339.853 đồng và số tiền còn lại chưa trả là 2.033.137.476 đồng là 6.469.477.329 đồng. Số tiền lãi phải trả là: 6.469.477.329 đồng x 0.03% x thời gian chậm trả.

Căn cứ vào tất cả sự việc và những điều đã nêu trên thì Ủy ban nhân dân quận B đã ra Quyết định số 3490/QĐ-UBND ngày 18/5/2023 và Quyết định số 9597/QĐ-UBND ngày 14/12/2023 không đúng quy định pháp luật; xâm phạm quyền, lợi ích hợp pháp của ông Ngô Hoàng T.

Tại Bản tự khai ngày 25/9/2024, ông Ngô Hoàng T xác định yêu cầu khởi kiện như sau:

- Yêu cầu tuyên việc Ủy ban nhân dân quận B tính hỗ trợ lãi suất phát sinh cho ông T và bà T2 theo Quyết định số 3490/QĐ-UBND ngày 18/5/2023 và Quyết định số 9597/QĐ-UBND ngày 14/12/2023 với thời gian tính từ ngày 02/5/2012 đến ngày 23/11/2017 là hành vi hành chính trái pháp luật.

- Tuyên việc Ủy ban nhân dân quận B không trả lãi cho việc chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền lãi phát sinh từ ngày 19/4/2018 cho đến ngày 18/05/2023 và ngày 14/12/2023 cho ông T và bà T2 là không đúng quy định pháp luật.

- Hủy Quyết định 3490/QĐ-UBND ngày 18/05/2023 và Quyết định 9597/QĐ-UBND ngày 14/12/2023 của Ủy ban nhân dân quận B.

- Buộc Ủy ban nhân dân quận B phải tính hỗ trợ lãi suất phát sinh cho ông T và bà T2 cho việc chậm ra Quyết định bồi thường số 2774/QĐ-UBND ngày

02/5/2012 từ ngày 19/4/2011 đến ngày 02/5/2012 trên số tiền 1.373.647.120 đồng.

- Buộc Ủy ban nhân dân quận B phải tính lại lãi phát sinh cho ông T và bà T2 tính từ ngày phê duyệt phương án bồi thường của dự án số 118/PABT-UBND ngày 01/4/2011 là ngày 19/4/2011 (ngày ban hành Quyết định số 5516/QĐ-UBND) đến ngày ông T và bà T2 nhận được tiền bồi thường bổ sung của hai Quyết định số 9318/QĐ-UBND ngày 23/11/2017 và Quyết định số 2071/QĐ-UBND ngày 30/03/2018 là ngày 19/4/2018 tính trên tổng số tiền bồi thường bổ sung là 7.810.020.844 đồng. Thời gian tính lãi từ ngày 19/4/2011 đến ngày 19/4/2018.

- Buộc Ủy ban nhân dân quận B trả lãi cho việc chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền lãi phát sinh cho ông T và bà T2 từ ngày 19/04/2018 cho đến thời điểm Ủy ban nhân dân quận B ban hành Quyết định số 3490/QĐ-UBND ngày 18/05/2023 và Quyết định số 9597/QĐ-UBND ngày 14/12/2023 đến ngày 18/05/2023 (ngày ban hành Quyết định số 3490/QĐ-UBND) và ngày 14/12/2023 (ngày ban hành Quyết định số 9597/QĐ-UBND). Thời gian tính lãi từ ngày 19/4/2018 đến ngày 18/5/2023 và ngày 14/12/2023, tính trên số tiền lãi phát sinh từ ngày 19/4/2011 đến ngày 19/4/2018.

- Buộc Ủy ban nhân dân quận B phải tính lãi cho việc chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền lãi phát sinh từ ngày 18/5/2023 (ngày ban hành Quyết định số 3490/QĐ-UBND) và ngày 14/12/2023 (ngày ban hành Quyết định số 9597/QĐ-UBND) cho đến ngày Ủy ban nhân dân quận B ban hành Quyết định để thi hành xong Bản án phúc thẩm của đơn khởi kiện ngày 18/12/2023 tính trên số tiền lãi phát sinh từ ngày 19/04/2018 đến ngày 18/05/2023 và ngày 14/12/2023.

Người bị kiện Ủy ban nhân dân quận B có ông Hồ P là người đại diện theo ủy quyền có đơn đề nghị vắng mặt. Tại bản tự khai ngày 20 tháng 6 năm 2024, người bị kiện trình bày ý kiến về vụ kiện như sau:

Nhà đất số A, đường số C, Phường B quận B do ông Ngô Hoàng T - bà Trần Thị T2 là chủ sử dụng thuộc giải tỏa toàn phần để thực hiện dự án chống sạt lở kênh T - Đoạn 1.4, tại Phường B quận B.

Ngày 02/5/2012, Ủy ban nhân dân quận B ban hành Quyết định số 2774/QĐ-UBND về việc bồi thường, hỗ trợ đối với nhà đất số A, đường số C, Phường B quận B cho ông Ngô Hoàng T - bà Trần Thị T2 với số tiền 1.373.647.120 đồng (ông T đã nhận đủ số tiền trên).

Ngày 23/11/2017 và ngày 30/3/2018, Ủy ban nhân dân quận B (thi hành theo Bản án phúc thẩm số 1343/2016/HC-PT ngày 19/12/2016 của TAND cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh) ban hành 02 Quyết định số 9318/QĐ-UBND và Quyết định số 2071/QĐ-UBND về việc bổ sung Quyết định số 2774/QĐ-UBND ngày 02/5/2012 với tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ là (617.104.640 đồng + 7.192.915.874 đồng) = 7.810.020.514 đồng, ông Ngô Hoàng T đã nhận đủ toàn bộ số tiền này (vào ngày 19/4/2018); đồng thời ông T tiếp tục khởi kiện yêu cầu phải tính thêm tiền lãi suất tiền gửi tiết kiệm ngân hàng trên giá trị bồi

thường, hỗ trợ 7.810.020.514 đồng.

Ngày 17/11/2021, Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh ra Bản án hành chính phúc thẩm số 412/2021/HC-PT: “*Buộc Ủy ban nhân dân quận B phải tính lãi suất phát sinh trên số tiền bồi thường bổ sung 7.810.020.514 đồng (tại 02 Quyết định số 9318/QĐ-UBND ngày 23/11/2017 và Quyết định số 2071/QĐ-UBND ngày 30/3/2018 của UBND quận B) cho ông Ngô Hoàng T đúng theo quy định pháp luật*”.

Ngày 18/5/2023, Ủy ban nhân dân quận B (thi hành án Bản án số 412/2021/HC-PT ngày 17/11/2021) ban hành Quyết định số 3490/QĐ-UBND tính hỗ trợ lãi suất với số tiền 7.943.493.974 đồng, ngày 26/5/2023 ông T đã nhận số tiền (đợt 01) 5.941.722.100 đồng.

Tuy nhiên, qua rà soát các văn bản hướng dẫn của Ủy ban nhân dân Thành phố H (tại Công văn số 2163/UBND-ĐTMT ngày 21/4/2015) về giải quyết chính sách đối với các trường hợp chậm chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ tái định cư có Phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư được phê duyệt trước ngày 01/7/2014, chỉ quy định việc hỗ trợ lãi suất ngân hàng thời gian để tính hỗ trợ lãi suất tính từ ngày 01/01/2015 đến ngày 31/12/2015; và tiền chậm nộp áp dụng theo Luật Quản lý thuế từ ngày 01/01/2016 trở về sau trên số tiền chậm chi trả (tính trên số tiền bồi thường, hỗ trợ cộng với lãi suất đến ngày 31/12/2015) cho người có đất bị thu hồi.

Do đó ngày 14/12/2023, Ủy ban nhân dân quận B ban hành Quyết định số 9597/QĐ-UBND về sửa đổi Điều 1 của Quyết định số 3490/QĐ-UBND ngày 18/5/2023, tính hỗ trợ tiền lãi suất ngân hàng (từ thời điểm ban hành Quyết định bồi thường lần đầu ngày 02/5/2012 đến thời điểm ban hành Quyết định bồi thường bổ sung ngày 30/3/2018) với số tiền lãi: 5.955.475.340 đồng là đúng quy định (tất cả các trường hợp hỗ trợ tiền lãi suất đều thống nhất tính từ thời điểm ban hành quyết định bồi thường lần đầu).

Như vậy, số tiền ông T còn được nhận là (5.955.475.340 đồng - 5.941.722.100 đồng) = 13.753.240 đồng.

Nhận thấy, Phương án bồi thường của dự án được phê duyệt ngày 01/4/2011, thời điểm này nhà, đất của hộ ông T chưa công bố giá trị bồi thường, hỗ trợ nên việc tính hỗ trợ lãi suất từ thời điểm này là không phù hợp.

Do đó, đề nghị Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử theo hướng giữ nguyên Quyết định số 3490/QĐ-UBND ngày 18/5/2023, Quyết định số 9597/QĐ-UBND ngày 14/12/2023 của UBND quận B và bác đơn khởi kiện của ông Ngô Hoàng T vì không có cơ sở giải quyết.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị T2 trình bày: thống nhất với nội dung và yêu cầu khởi kiện của ông Ngô Hoàng T.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 509/2024/HC-ST ngày 04 tháng 10 năm 2024, Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã quyết định:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Ngô Hoàng T.

2. Hủy Quyết định số 9597/QĐ-UBND ngày 14 tháng 12 năm 2023 của Ủy ban nhân dân quận B về sửa đổi Điều 1 Quyết định số 3490/QĐ-UBND ngày 18 tháng 5 năm 2023 của Ủy ban nhân dân quận B.

3. Đình chỉ xét xử yêu cầu buộc Ủy ban nhân dân quận B phải tính lãi suất phát sinh do chậm ban hành Quyết định bồi thường số 2774/QĐ-UBND ngày 02/5/2012, thời gian tính kể từ ngày 19/4/2011 đến ngày 02/5/2012.

4. Bác yêu cầu hủy Quyết định số 3490/QĐ-UBND ngày 18 tháng 05 năm 2023 của Ủy ban nhân dân quận B.

5. Bác yêu cầu tuyên bố hành vi hành chính của Ủy ban nhân dân quận B không trả lãi cho việc chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền lãi phát sinh từ ngày 19/4/2018 cho đến ngày 18/05/2023 và ngày 14/12/2023 cho ông T và bà T2 là không đúng quy định pháp luật.

6. Bác yêu cầu buộc Ủy ban nhân dân quận B trả lãi cho việc chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền lãi phát sinh từ ngày 19/04/2018 cho đến thời điểm Ủy ban nhân dân quận B ban hành Quyết định số 3490/QĐ-UBND ngày 18/05/2023 và Quyết định số 9597/QĐ-UBND ngày 14/12/2023 đến ngày 18/05/2023 (ngày ban hành Quyết định số 3490/QĐ-UBND) và ngày 14/12/2023 (ngày ban hành Quyết định số 9597/QĐ-UBND). Thời gian tính lãi từ ngày 19/4/2018 đến ngày 18/5/2023 và ngày 14/12/2023, tính trên số tiền lãi phát sinh từ ngày 19/4/2011 đến ngày 19/4/2018.

7. Bác yêu cầu buộc Ủy ban nhân dân quận B phải tính lãi cho việc chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền lãi phát sinh từ ngày 18/5/2023 (ngày ban hành Quyết định số 3490/QĐ-UBND) và ngày 14/12/2023 (ngày ban hành Quyết định số 9597/QĐ-UBND) cho đến ngày Ủy ban nhân dân quận B ban hành Quyết định để thi hành xong Bản án phúc thẩm của đơn khởi kiện ngày 18/12/2023 tính trên số tiền lãi phát sinh từ ngày 19/04/2018 đến ngày 18/05/2023 và ngày 14/12/2023.

Ngoài ra Bản án còn quyết định về án phí và quyền kháng cáo của đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 11/10/2024 người khởi kiện là ông Ngô Hoàng T kháng cáo một phần bản án sơ thẩm; ngày 04/11/2024 Ủy ban nhân dân quận B kháng cáo một phần bản án sơ thẩm; ngày 21/10/2024 Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh kháng nghị một phần bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện theo ủy quyền của người bị kiện có đơn xin xét xử vắng mặt giữ nguyên yêu cầu kháng cáo đề nghị giữ nguyên Quyết định 9597/QĐ-UBND ngày 14/12/2023 của UBND quận B. Người khởi kiện ông T giữ nguyên yêu cầu kháng cáo đối với những yêu cầu khởi kiện không được Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận. Viện kiểm sát giữ nguyên quyết định kháng nghị.

Trong phần tranh luận:

Người kháng cáo ông Ngô Hoàng T trình bày: Ủy ban cho rằng Công văn 554/HĐTĐBT ngày 26/9/2018 chỉ áp dụng cho huyện B mà không có hiệu lực áp dụng chung với các dự án trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh (trong đó có trường hợp của hộ ông T) là không đúng. Lý do: Tại Công văn 1628/VP-ĐT ngày 05/3/2019 có nội dung xét báo cáo của HĐTĐBT Thành phố tại Công văn 554, UBND TP chỉ đạo HĐTĐBT Thành phố, các cơ quan liên quan theo dõi, hướng dẫn, hỗ trợ UBND huyện B trong quá trình thực hiện chi trả. Do đó, ngày 18/03/2019, HĐTĐBT Thành phố ban hành Công văn 119 nêu rõ UBND quận huyện được biết để thực hiện đồng bộ, thống nhất nhằm đẩy nhanh, hoàn thành tiến độ thực hiện dự án đang triển khai công tác bồi thường, hỗ trợ, tái định cư trên địa bàn thành phố theo đúng quy định. Như vậy, phải được hiểu Công văn 554/HĐTĐBT ngày 26/9/2018 có hiệu lực áp dụng chung với các dự án trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

UBND quận B (nay là phường B) chỉ căn cứ vào Công văn số 2163/UBND-ĐTMT ngày 21/4/2015 để áp dụng tính lãi phát sinh là không đúng. Từ đó dẫn đến việc UBND quận B ban hành QĐ 9597/QĐ-UBND ngày 14/12/2023 bổ sung cho QĐ 3490/QĐ-UBND ngày 18/5/2023 không đúng theo hướng dẫn của Công văn số 554/HĐTĐBT ngày 26/9/2018 về thời điểm bắt đầu tính lãi là từ ngày Phương án bồi thường của dự án số 118/PABT-UBND là ngày 19/4/2011 cho đến ngày chi trả bồi thường cho ông T tại QĐ 9318/QĐ-UBND ngày 23/11/2017 và QĐ 2071/QĐ-UBND ngày 30/3/2018 là ngày 19/4/2018. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm chấp nhận toàn bộ kháng cáo của ông Ngô Hoàng T.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của UBND phường B, Thành phố Hồ Chí Minh:

Đề nghị giữ nguyên Quyết định 9597/QĐ-UBND ngày 14/12/2023 của UBND quận B (cũ). Lý do: Công văn số 554/HĐTĐBT ngày 26/9/2018 chỉ áp dụng cho huyện B mà không có hiệu lực áp dụng chung với các dự án trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh. Cần phải áp dụng Công văn số 2163/UBND-ĐTMT ngày 21/4/2015 của UBND Thành phố H quy định việc hướng dẫn lãi suất ngân hàng thời gian để tính hỗ trợ lãi suất tính từ ngày 01/01/2015 đến ngày 31/12/2015 và tiền chậm nộp áp dụng theo Luật Quản lý thuế từ ngày 01/01/2016 trở về sau trên số tiền chậm chi trả (tính trên số tiền bồi thường, hỗ trợ cộng với lãi suất đến ngày 31/12/2015) cho người có đất bị thu hồi.

Do đó ngày 14/12/2023, Ủy ban nhân dân quận B ban hành Quyết định số 9597/QĐ-UBND về sửa đổi Điều 1 của Quyết định số 3490/QĐ-UBND ngày 18/5/2023, tính hỗ trợ tiền lãi suất ngân hàng (từ thời điểm ban hành Quyết định bồi thường lần đầu ngày 02/5/2012 đến thời điểm ban hành Quyết định bồi thường bổ sung ngày 30/3/2018) với số tiền lãi: 5.955.475.340 đồng là đúng quy định (tất cả các trường hợp hỗ trợ tiền lãi suất đều thống nhất tính từ thời điểm ban hành quyết định bồi thường lần đầu).

Đại diện Viện Công tố và Kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:

- Về tố tụng: Tòa án cấp phúc thẩm đã thực hiện đầy đủ thủ tục tố tụng theo quy định pháp luật.

- Về nội dung: Tại Công văn số 2163/UBND-ĐTMT ngày 21/4/2015 của UBND Thành phố H về hướng dẫn giải quyết chính sách đối với các trường hợp chậm chi trả tiền bồi thường có Phương án bồi thường, hỗ trợ tái định cư được phê duyệt trước ngày 01/7/2014, theo đó chỉ quy định việc hướng dẫn lãi suất ngân hàng thời gian để tính hỗ trợ lãi suất tính từ ngày 01/01/2015 đến ngày 31/12/2015 và tiền chậm nộp áp dụng theo Luật Quản lý thuế từ ngày 01/01/2016 trở về sau trên số tiền chậm chi trả (tính trên số tiền bồi thường, hỗ trợ cộng với lãi suất đến ngày 31/12/2015) cho người có đất bị thu hồi.

Tại Quyết định số 3490/QĐ-UBND ngày 18/5/2023 của UBND quận B, tính hỗ trợ tiền lãi suất thời gian bắt đầu tính lãi từ ngày Phương án bồi thường của Dự án được phê duyệt là ngày 01/4/2011 đến ngày ban hành quyết định bồi thường bổ sung là ngày 30/3/2018 với tiền lãi phát sinh 7.943.493.974 đồng là chưa phù hợp. Do đó, UBND quận B đã ban hành Quyết định 9597/QĐ-UBND ngày 14/12/2023 sửa đổi Điều 1 của Quyết định 3490/QĐ-UBND tính tiền lãi suất tính từ ngày ban hành quyết định bồi thường lần đầu, QĐ số 2774/QĐ-UBND ngày 02/5/2012 đến ngày ban hành quyết định bồi thường bổ sung là 30/3/2018 với tiền lãi là 5.955.475.340 là phù hợp với ông T theo quy định tại Công văn số 2163/UBND-ĐTMT, khoản 2 Điều 93 Luật Đất đai năm 2013.

Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của người bị kiện và kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, sửa bản án sơ thẩm theo hướng bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện, yêu cầu kháng cáo của người khởi kiện Ngô Hoàng T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Đơn kháng cáo của người khởi kiện là ông Ngô Hoàng T, Quyết định kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát Thành phố Hồ Chí Minh làm trong thời hạn luật định nên hợp lệ.

Ủy ban nhân dân quận B vắng mặt tại phiên tòa sơ thẩm. Ngày 21/10/2024, UBND quận B nhận được Bản án sơ thẩm. Do vậy, đến ngày 04/11/2024, UBND quận B kháng cáo là đúng thời hạn quy định nên được chấp nhận.

[2] Tại phiên tòa phúc thẩm, người bị kiện và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt, đã có đơn xin xét xử vắng mặt hoặc được Tòa án triệu tập hợp lệ. Căn cứ Điều 225 Luật Tố tụng hành chính năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án.

[3] Nhà đất số A, đường số C, Phường B quận B do ông Ngô Hoàng T - bà Trần Thị T2 là chủ sử dụng thuộc giải tỏa toàn phần để thực hiện dự án chống sạt lở kênh T - Đoạn 1.4, tại Phường B quận B.

Ngày 15/02/2011, Ủy ban nhân dân quận B ban hành Quyết định thu hồi phần đất có diện tích 474,6m² của gia đình ông Ngô Hoàng T.

Ngày 02/5/2012, Ủy ban nhân dân quận B ban hành Quyết định số 2774/QĐ-UBND về việc bồi thường, hỗ trợ đối với nhà đất số A, đường số C, Phường B quận B cho ông Ngô Hoàng T - bà Trần Thị T2 với số tiền 1.373.647.120 đồng (ông T đã nhận đủ số tiền trên).

Ngày 23/11/2017 và ngày 30/3/2018, Ủy ban nhân dân quận B ban hành 02 Quyết định số 9318/QĐ-UBND và Quyết định số 2071/QĐ-UBND về việc bổ sung Quyết định số 2774/QĐ-UBND ngày 02/5/2012 với tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ là (617.104.640 đồng + 7.192.915.874 đồng) = 7.810.020.514 đồng. Ông Ngô Hoàng T đã nhận đủ toàn bộ số tiền này; đồng thời ông T tiếp tục khởi kiện yêu cầu phải tính thêm tiền lãi suất tiền gửi tiết kiệm ngân hàng trên giá trị bồi thường, hỗ trợ 7.810.020.514 đồng.

Ngày 18/5/2023, Ủy ban nhân dân quận B ban hành Quyết định số 3490/QĐ-UBND tính hỗ trợ lãi suất với số tiền 7.943.493.974 đồng, ngày 26/5/2023 ông T đã nhận số tiền (đợt 01) 5.941.722.100 đồng.

Ngày 14/12/2023, Ủy ban nhân dân quận B ban hành Quyết định số 9597/QĐ-UBND về sửa đổi Điều 1 của Quyết định số 3490/QĐ-UBND ngày 18/5/2023, tính hỗ trợ tiền lãi suất ngân hàng (từ thời điểm ban hành Quyết định bồi thường lần đầu ngày 02/5/2012 đến thời điểm ban hành Quyết định bồi thường bổ sung ngày 30/3/2018) với số tiền lãi: 5.955.475.340. Như vậy, số tiền ông T còn được nhận là (5.955.475.340 đồng - 5.941.722.100 đồng) = 13.753.240 đồng.

[4] Ông Ngô Hoàng T đề nghị Tòa án tuyên buộc Ủy ban nhân dân quận B phải tính lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền lãi phát sinh từ ngày 19/4/2018 đến ngày ra Quyết định số 3490/QĐ-UBND ngày 18/5/2023 và Quyết định số 9597/QĐ-UBND ngày 14/12/2023 (để thi hành Bản án số 412/HC-PT ngày 17/11/2021) là ngày 18/5/2023 và ngày 14/12/2023, tính trên số tiền lãi phát sinh từ ngày 19/4/2011 đến ngày 19/4/2018 là 7.974.859.576 đồng. Số tiền lãi phải trả là 4.436.339.853 đồng. Tổng số tiền ông Ngô Hoàng T phải được nhận khi được thi hành Bản án phúc thẩm số 412/HC-PT ngày 17/11/2021 là 12.411.199.429 đồng, số tiền đã thực nhận là 5.955.475.340 đồng. Số tiền còn lại phải được nhận là 12.411.199.429 - 5.955.475.340 = 6.469.477.329 đồng.

[5] Xét kháng cáo của người khởi kiện Ngô Hoàng T:

[5.1] Về yêu cầu hủy Quyết định số 3490/QĐ-UBND (Quyết định này ban hành đính kèm Bảng chiết tính số 66/BS.LS/P27 ngày 20/3/202), nhận thấy: Ủy ban nhân dân quận B hỗ trợ lãi suất cho gia đình ông T (trên số tiền bồi thường bổ sung theo Quyết định số 9318/QĐ-UBND ngày 02/11/2017 và Quyết

định số 2071/QĐ-UBND ngày 30/3/2018) tính từ ngày 01/4/2011 (là ngày ban hành Phương án số 118/PABT-UBND ngày 01/4/2011) đến ngày 31/12/2015 theo mức lãi suất huy động vốn của Ngân hàng N2. Từ ngày 01/01/2016 đến ngày 23/11/2017 thì tính hỗ trợ tiền chậm chi trả tính theo Luật Quản lý thuế. Tổng số tiền hỗ trợ lãi suất là 7.943.439.974 đồng là đúng theo quy định tại Mục 4.2 và 4.3 của Công văn số 554/HĐTĐBT ngày 26/9/2018 của Hội đồng Thẩm định bồi thường Thành phố về giải quyết các vướng mắc liên quan đến việc tính hỗ trợ lãi suất ngân hàng và tiền chậm chi trả của một số dự án triển khai trên địa bàn huyện B; Công văn số 119/HĐTĐBT ngày 18/3/2019 của Hội đồng Thẩm định bồi thường Thành phố và khoản 2 Điều 93 Luật Đất đai năm 2013. Do đó, xét yêu cầu hủy quyết định này là không có cơ sở để chấp nhận.

[5.2] Về yêu cầu hủy Quyết định số 9597/QĐ-UBND ngày 14/12/2023 (Quyết định này ban hành kèm theo bảng chiết tính số 66A/BS.LS/P27 ngày 30/11/2023), nhận thấy: Công văn 2163/UBND-ĐTMT ngày 21/4/2015 của Ủy ban nhân dân Thành phố H về hướng dẫn giải quyết chính sách đối với các trường hợp chậm cho trả tiền bồi thường có phương án hỗ trợ, tái định cư được phê duyệt trước ngày 01/7/2014. Theo đó chỉ quy định việc hỗ trợ lãi suất ngân hàng thời gian để tính hỗ trợ lãi suất tính từ ngày 01/01/2105 đến ngày 31/12/2015; tiền chậm nộp áp dụng theo Luật quản lý thuế từ ngày 01/01/2106 trở về sau trên số tiền chậm trả (tính trên số tiền bồi thường, hỗ trợ cộng với lãi suất đến ngày 31/12/2015) cho người có đất bị thu hồi. Bên cạnh đó, Công văn số 554/HĐTĐBT ngày 26/9/2018 của Hội đồng thẩm định bồi thường Thành phố Hồ Chí Minh là văn bản hướng dẫn giải quyết các vướng mắc liên quan đến việc tính hỗ trợ lãi suất ngân hàng và tiền chậm chi trả của một số dự án đang triển khai trên địa bàn huyện B; không có hiệu lực áp dụng chung đối với các dự án trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh, trong đó có trường hợp của ông T, bà T2.

Mặt khác, nhà đất của hộ ông Ngô Hoàng T bị thu hồi theo Phương án số 118/PABT-UBND ngày 01/4/2011 của Ủy ban nhân dân quận B; ngày 02/5/2012 Ủy ban nhân dân quận B ban hành Quyết định 2774/QĐ-UBND về việc bồi thường, hỗ trợ; từ ngày 27/11/2017 – 30/3/2018 Ủy ban nhân dân quận B ban hành tiếp 02 Quyết định bồi thường bổ sung cho hộ ông T. Theo quy định tại khoản 6 Điều 210 Luật Đất đai 2013 quy định: *“Trường hợp những dự án, hạng mục đã phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư hoặc đang thực hiện chi trả bồi thường, hỗ trợ, tái định cư theo phương án đã được phê duyệt trước ngày Luật này có hiệu lực thi hành thì thực hiện theo phương án đã phê duyệt, không áp dụng theo quy định của Luật này”*. Tại khoản 8 Điều 4 Nghị định 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 sửa đổi, bổ sung Điều 34 Nghị định 47/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định: *“Đối với dự án đầu tư đã có quyết định thu hồi đất và quyết định phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư của cơ quan nhà nước có thẩm quyền thì việc xử lý bồi thường chậm thực hiện theo quy định của pháp luật về đất đai trước ngày 01/7/2014”*. Việc Ủy ban nhân dân quận B căn cứ khoản 2 Điều 9 Nghị định 197/2004/NĐ/CP ngày 03/12/2004 và khoản 4 Điều 39 Nghị định 69/NĐ-CP ngày 13/8/2009 của Chính

phủ về việc thực hiện bồi thường chậm và áp dụng giá đất tại Phương án 118/PABT-UBND ngày 01/4/2011 của Ủy ban nhân dân quận B có mức giá 30.855.232đ/m² là cao hơn giá đất do Ủy ban nhân dân Thành phố H quy định tại thời điểm năm 2011 (6.200.000đ/m²) và năm 2018 (12.400.000đ/m²) để tính cho hộ ông T là đúng quy định.

Do đó, việc Ủy ban nhân dân quận B ban hành Quyết định số 9597/QĐ-UBND ngày 14/12/2023 sửa đổi Điều 1 Quyết định số 3490/QĐ-UBND ngày 18/5/2023, tính hỗ trợ tiền lãi suất với thời gian từ ngày ban hành Quyết định bồi thường lần đầu đến ngày ban hành Quyết định bồi thường bổ sung, với số tiền 5.955.475.340đ là phù hợp và có lợi cho ông T theo Luật quản lý thuế và khoản 2 Điều 93 Luật đất đai 2013. Cho nên yêu cầu này không có căn cứ nên không được chấp nhận.

[5.3] Về yêu cầu tuyên bố hành vi của Ủy ban nhân dân quận B về việc tính lãi phát sinh cho ông T và bà T2 theo Quyết định số 3490/QĐ-UBND ngày 18/5/2023 và Quyết định số 9597/QĐ-UBND ngày 14/12/2023 là hành vi hành chính trái pháp luật: Nhận thấy, yêu cầu này đã được xem xét trong yêu cầu hủy các quyết định hành chính nêu trên nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5.4] Về yêu cầu tuyên việc Ủy ban nhân dân quận B không trả lãi cho việc chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền lãi phát sinh từ ngày 19/4/2018 cho đến ngày 18/05/2023 và ngày 14/12/2023 cho ông T và bà T2 là không đúng quy định pháp luật: Xét tại thời điểm ngày 19/4/2018, ông T đã nhận đủ số tiền bồi thường, hỗ trợ bổ sung của Quyết định số 9318/QĐ-UBND ngày 23/11/2017 và Quyết định số 2071/QĐ-UBND ngày 30/3/2018 của Ủy ban nhân dân quận B, do đó Ủy ban nhân dân quận B ban hành Quyết định số 3490/QĐ-UBND ngày 18/5/2023 và Quyết định số 9597/QĐ-UBND ngày 14/12/2023 tính hỗ trợ lãi suất là đúng nên yêu cầu này không được chấp nhận.

[5.5] Về yêu cầu buộc Ủy ban nhân dân quận B phải tính lãi suất phát sinh do chậm ban hành Quyết định bồi thường số 2774/QĐ-UBND ngày 02/5/2012 từ ngày 19/4/2011 đến ngày 02/5/2012 tính trên số tiền 1.373.647.120 đồng. Nhận thấy, từ khi ban hành quyết định này, ông T đã nhận số tiền bồi thường nêu trên và không có yêu cầu đòi tiền lãi, kể cả trong quá trình khởi kiện các vụ án trước ông T cũng không có yêu cầu, căn cứ vào Điều 116 Luật tố tụng hành chính, yêu cầu này đã hết thời hiệu khởi kiện, nên đình chỉ xét xử.

[5.6] Về yêu cầu buộc Ủy ban nhân dân quận B phải tính lại lãi phát sinh tính từ ngày phê duyệt phương án bồi thường của dự án số 118/PABT-UBND ngày 01/4/2011 là ngày 19/4/2011 (ngày ban hành Quyết định số 5516/QĐ-UBND) đến ngày ông T và bà T2 nhận được tiền bồi thường bổ sung của hai Quyết định số 9318/QĐ-UBND ngày 23/11/2017 và Quyết định số 2071/QĐ-UBND ngày 30/03/2018 là ngày 19/4/2018 tính trên tổng số tiền bồi thường bổ sung là 7.810.020.844 đồng. Thời gian tính lãi từ ngày 19/4/2011 đến ngày 19/4/2018. Nhận thấy, yêu cầu này đã được Ủy ban nhân dân quận B giải quyết khi ban hành Quyết định số 3490/QĐ-UBND ngày 18/5/2023 và Quyết định số

9597/QĐ-UBND ngày 14/12/2023 và đã được xem xét tính hợp pháp trong vụ án này, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5.7] Về yêu cầu buộc Ủy ban nhân dân quận B trả lãi cho việc chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền lãi phát sinh từ ngày 19/04/2018 cho đến thời điểm Ủy ban nhân dân quận B ban hành Quyết định số 3490/QĐ-UBND ngày 18/05/2023 và Quyết định số 9597/QĐ-UBND ngày 14/12/2023 đến ngày 18/05/2023 (ngày ban hành Quyết định số 3490/QĐ-UBND) và ngày 14/12/2023 (ngày ban hành Quyết định số 9597/QĐ-UBND). Thời gian tính lãi từ ngày 19/4/2018 đến ngày 18/5/2023 và ngày 14/12/2023, tính trên số tiền lãi phát sinh từ ngày 19/4/2011 đến ngày 19/4/2018. Xét yêu cầu này không có căn cứ nên không được chấp nhận.

[5.8] Về yêu cầu buộc Ủy ban nhân dân quận B phải tính lãi cho việc chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền lãi phát sinh từ ngày 18/5/2023 (ngày ban hành Quyết định số 3490/QĐ-UBND) và ngày 14/12/2023 (ngày ban hành Quyết định số 9597/QĐ-UBND) cho đến ngày Ủy ban nhân dân quận B ban hành Quyết định để thi hành xong Bản án phúc thẩm của đơn khởi kiện ngày 18/12/2023 tính trên số tiền lãi phát sinh từ ngày 19/04/2018 đến ngày 18/05/2023 và ngày 14/12/2023. Xét yêu cầu này không có căn cứ nên không được chấp nhận.

[6] Từ những phân tích và nhận định nêu trên, nhận thấy Tòa án cấp sơ thẩm đã chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông T, hủy Quyết định số 9597/QĐ-UBND ngày 14/12/2023 của Ủy ban nhân dân quận B là không có căn cứ. Các nội dung khác của bản án sơ thẩm như: Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu buộc Ủy ban nhân dân quận B phải tính lãi suất phát sinh do chậm ban hành Quyết định bồi thường số 2774/QĐ-UBND ngày 02/5/2012 từ ngày 19/4/2011 đến ngày 02/5/2012; bác các yêu cầu khởi kiện khác của ông Ngô Hoàng T là có cơ sở.

Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của Ủy ban nhân dân quận B (cũ), kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh; không chấp nhận kháng cáo của ông Ngô Hoàng T. Sửa Bản án sơ thẩm theo hướng bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện, yêu cầu kháng cáo của ông Ngô Hoàng T.

[7] Các phần quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[8] Án phí hành chính phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên người có kháng cáo phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

I. Căn cứ khoản 2 Điều 241 Luật Tổ tụng hành chính năm 2015;

Chấp nhận yêu cầu kháng cáo của Ủy ban nhân dân quận B, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là Ủy ban nhân dân phường B, Thành phố Hồ Chí Minh) và Quyết định kháng nghị phúc thẩm số 7449/QĐ-VKS-HC ngày 21/10/2024 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh;

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Ngô Hoàng T.

Sửa một phần Bản án hành chính sơ thẩm số 509/2024/HC-ST ngày 04/10/2024 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ khoản 1 Điều 30; khoản 4 Điều 32; khoản 1, điểm a khoản 2 Điều 116; điểm g, khoản 1 Điều 143; khoản 1 Điều 158; điểm a khoản 2 Điều 193 của Luật Tổ tụng hành chính năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Ngô Hoàng T.

1. Bác yêu cầu hủy Quyết định số 9597/QĐ-UBND ngày 14 tháng 12 năm 2023 của Ủy ban nhân dân quận B (cũ) về việc sửa đổi Điều 1 Quyết định số 3490/QĐ-UBND ngày 18 tháng 5 năm 2023 của Ủy ban nhân dân quận B (cũ).

2. Đình chỉ xét xử yêu cầu buộc Ủy ban nhân dân quận B (cũ) phải tính lãi suất phát sinh do chậm ban hành Quyết định bồi thường số 2774/QĐ-UBND ngày 02/5/2012, thời gian tính kể từ ngày 19/4/2011 đến ngày 02/5/2012.

3. Bác yêu cầu hủy Quyết định số 3490/QĐ-UBND ngày 18 tháng 05 năm 2023 của Ủy ban nhân dân quận B (cũ).

4. Bác yêu cầu tuyên bố hành vi hành chính của Ủy ban nhân dân quận B (cũ) không trả lãi cho việc chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền lãi phát sinh từ ngày 19/4/2018 cho đến ngày 18/05/2023 và ngày 14/12/2023 cho ông T và bà T2 là không đúng quy định pháp luật.

5. Bác yêu cầu buộc Ủy ban nhân dân quận B (cũ) trả lãi cho việc chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền lãi phát sinh từ ngày 19/04/2018 cho đến thời điểm Ủy ban nhân dân quận B (cũ) ban hành Quyết định số 3490/QĐ-UBND ngày 18/05/2023 và Quyết định số 9597/QĐ-UBND ngày 14/12/2023 đến ngày 18/05/2023 (ngày ban hành Quyết định số 3490/QĐ-UBND) và ngày 14/12/2023 (ngày ban hành Quyết định số 9597/QĐ-UBND). Thời gian tính lãi từ ngày 19/4/2018 đến ngày 18/5/2023 và ngày 14/12/2023, tính trên số tiền lãi phát sinh từ ngày 19/4/2011 đến ngày 19/4/2018.

6. Bác yêu cầu buộc Ủy ban nhân dân quận B (cũ) phải tính lãi cho việc chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền lãi phát sinh từ ngày 18/5/2023 (ngày ban hành Quyết định số 3490/QĐ-UBND) và ngày 14/12/2023 (ngày ban hành Quyết định số 9597/QĐ-UBND) cho đến ngày Ủy ban nhân dân quận B (cũ) ban hành Quyết định để thi hành xong Bản án phúc thẩm của đơn khởi kiện ngày

18/12/2023 tính trên số tiền lãi phát sinh từ ngày 19/04/2018 đến ngày 18/05/2023 và ngày 14/12/2023.

7. Các phần quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

II. Án phí hành chính phúc thẩm:

Ủy ban nhân dân quận B (cũ) (nay là Ủy ban nhân dân phường B) không phải chịu án phí phúc thẩm được hoàn lại 300.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng số 0041566 ngày 06/12/2024 của Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh (nay là Thi hành án dân sự Thành phố H).

Ông Ngô Hoàng T phải chịu 300.000 đồng, được trừ vào 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0041630 ngày 22/10/2024 của Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- VCTVKSEXPT tại TP. Hồ Chí Minh;
- Tòa án nhân dân TP. Hồ Chí Minh;
- Viện kiểm sát nhân dân TP. Hồ Chí Minh;
- Thi hành án dân sự TP. Hồ Chí Minh;
- Các đương sự;
- Lưu, MT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hà Huy Cầu

